

BỘ Y TẾ
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 945 /TB-HVYDCT

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO

Tuyển sinh sau đại học tiến sĩ, thạc sĩ ngành Y học cổ truyền năm 2026

Kính gửi:

- Các Trường Đại học Y - Dược, Học viện, Viện;
- Các Sở Y tế, Bệnh viện, Trung tâm y tế, Phòng Y tế;
- Các Đơn vị Y tế thuộc lực lượng vũ trang;
- Hội Đông y các tỉnh/ thành phố.

Căn cứ Quyết định số 30/2005/QĐ-TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết 481/NQ-HĐTHVYDHCCTVN ngày 24/06/2021 của Hội đồng trường Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 83/NQ-HĐT ngày 06 tháng 08 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Nghị quyết số 102/NQ-HĐT ngày 16 tháng 12 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Nghị quyết 72/NQ-HĐT ngày 01 tháng 07 năm 2025 và Nghị quyết số 01/NQ-HĐT ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non.

Căn cứ Thông tư số 10/2023/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh đại học, thạc sĩ, tiến sĩ và chỉ tiêu tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non

Căn cứ Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 484/QĐ-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam đào tạo trình độ Tiến sĩ, chuyên ngành Y học cổ truyền;

Căn cứ Quyết định số 1501/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ Thạc sĩ chuyên ngành Y học cổ truyền cho Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 40/2015/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 3 năm 2015 giữa Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí dự thi, dự tuyển (lệ phí tuyển sinh).

I. DỰ KIẾN CHỈ TIÊU VÀ CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

TT	Trình độ	Ngành	Chỉ tiêu	Thi tuyển	Xét tuyển
1	Thạc sĩ định hướng nghiên cứu	Y học cổ truyền	30	20	10
2	Thạc sĩ định hướng ứng dụng	Y học cổ truyền	30	30	0
3	Tiến sĩ	Y học cổ truyền	05	0	05

(Chỉ tiêu tuyển sinh Thạc sĩ và Tiến sĩ có thể thay đổi nếu có hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh năm 2026).

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH, ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN, HỒ SƠ DỰ TUYỂN VÀ CÁC MÔN THI TUYỂN CỦA CÁC TRÌNH ĐỘ SAU ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh trình độ Tiến sĩ

1.1. Hình thức và thời gian đào tạo

- Hình thức: Đào tạo chính quy
- Thời gian đào tạo: 3-4 năm

1.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

1.3. Điều kiện dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp thạc sĩ ngành Y học cổ truyền hoặc tốt nghiệp các trình độ đào tạo ngành Y học cổ truyền bậc 7 hoặc tương đương hoặc tốt nghiệp đại học ngành gần hoặc ngành phù hợp với ngành đào tạo trình độ tiến sĩ Y học cổ truyền hạng giỏi trở lên;

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ;

- Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 2).

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6

bạc dùng cho Việt Nam) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ tại Học viện là tiếng Anh hoặc tiếng Trung.

d) Ngành đăng ký dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDĐT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, định chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền đạt yêu cầu tốt nghiệp loại giỏi có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại giỏi trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học). Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

e) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g) Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

1.4. Hồ sơ xét tuyển

a) Đơn xin xét tuyển (theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển)

b) Lý lịch khoa học.

c) Bản sao văn bằng, bảng điểm công chứng tốt nghiệp Đại học, Thạc sĩ, tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7; Chứng chỉ, bảng điểm ngoại ngữ công chứng.

d) Minh chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học quy định tại khoản 2 của điều kiện dự tuyển.

đ) Đề cương nghiên cứu (theo mẫu có trong hồ sơ xét tuyển), bài luận; dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

e) Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động

chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.

g) Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).

h) Giấy xác nhận thời gian công tác (Đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ);

i) Các giấy tờ khác gồm có: Bản sao giấy khai sinh; 04 ảnh 3x4 và 02 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận; Giấy chứng nhận sức khỏe; Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng; Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);

k) Giấy chấp thuận hướng dẫn của người dự kiến hướng dẫn: Được sự đồng ý chấp thuận hướng dẫn bằng văn bản của người dự kiến hướng dẫn đủ tiêu chuẩn theo quy chế, quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ.

l) Lý lịch khoa học của người dự kiến hướng dẫn.

1.5. Điều kiện xét tuyển và trúng tuyển

1.5.1. Điều kiện xét tuyển: căn cứ tiêu chí xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ của ứng viên dự tuyển: phải đạt tất cả các tiêu chí xét (Phụ lục 1)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu, kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa, báo cáo tổng quan và phỏng vấn báo cáo đề cương đánh giá năng lực của ứng viên dự tuyển tối đa 10 điểm, các mục thành phần phải có điểm (không có mục nào điểm 0), tổng điểm phải đạt từ 5,0 điểm. Trong đó điểm phần 1 (nội dung khoa học) phải đạt từ 3,5 điểm trở lên (Phụ lục 1)

1.5.2. Xét trúng tuyển:

- Căn cứ kết quả phần 1 và kết quả phần 2 từ cao xuống thấp theo đợt xét tuyển, lấy đến hết chỉ tiêu tuyển sinh.

- Trường hợp ứng viên có tổng điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 2. Nữ .

2. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu

2.1. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền và hạng tốt nghiệp trình độ đại học từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu;

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu tốt nghiệp từ hạng khá trở lên (đối với người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp có điểm trung bình xếp loại khá trở lên áp dụng theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ đại học) hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập và nghiên cứu. Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDDT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 2).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định.

2.2. Phương thức tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

2.2.1. Xét tuyển:

- Áp dụng đối với các ứng viên đăng ký tuyển sinh chương trình Thạc sĩ định hướng nghiên cứu đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1

- Các ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1 đối với người nước ngoài.

2.2.2. Thi tuyển

Tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam đáp ứng đủ điều kiện tại mục 2.1.

2.2.3. Địa điểm tuyển sinh

Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Hà Nội.

2.3. Các môn thi tuyển sinh và nội dung xét tuyển

2.3.1. Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

2.3.2. Xét tuyển

- Phần 1: Đánh giá hồ sơ ứng viên (Phụ lục 3)

- Phần 2: Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên (Phụ lục 3)

2.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).

2. Sơ yếu lý lịch.

3. Bản sao giấy khai sinh.

4. Giấy chứng nhận sức khỏe.

5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).

6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).

7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).

8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:

- Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).

- Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

2.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc ngược lại.

2.5.1. Xét tuyển chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu:

- Phần 1: Hồ sơ đạt yêu cầu quy định tại phần 2.1
- Phần 2: Tổng điểm phải đạt từ 7.0 điểm trở lên (phụ lục 3)
- Căn cứ kết quả xét tuyển xếp thứ tự đến hết chỉ tiêu.
- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. Các đối tượng ưu tiên; 4. nữ.

2.5.2. Thi tuyển chương trình thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng nghiên cứu:

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. điểm bài báo và thành tích tham gia nghiên cứu khoa học cao hơn; 3. nữ.

2.6. Hình thức đào tạo: tập trung 02 năm

3. Tuyển sinh trình độ Thạc sĩ Y học cổ truyền định hướng ứng dụng

3.1. Đối tượng và điều kiện dự thi

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với trình độ đào tạo thạc sĩ Y học cổ truyền.

b) Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác ngành Y học cổ truyền có Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức ngành Y học cổ truyền hoặc người có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành y học cổ truyền do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có Công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng - Bộ Giáo dục và Đào tạo xác nhận và có Chứng chỉ đào tạo bổ sung kiến thức chuyên ngành y học cổ truyền; Văn bằng đại học do cơ sở nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành;

- Ngành đăng kí dự tuyển được xem là ngành đúng với ngành đào tạo được xác định theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 12/2024/TT-BDDT ngày 10/10/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BDDT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

c) Thí sinh dự tuyển có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Học viện cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển (phụ lục 2).

d. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai.

e. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

g. Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định.

3.2. Phương thức tuyển sinh và địa điểm tổ chức tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: thi tuyển đối với thí sinh người Việt Nam và xét tuyển đối với ứng viên người nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam.

- Địa điểm tổ chức thi tuyển sinh: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam – Số 2 - Trần Phú – Đại Mỗ – Hà Nội.

3.3. Các môn thi tuyển sinh

Thi tuyển sinh gồm 03 môn thi viết, cụ thể như sau:

- Môn ngoại ngữ (Thời gian thi 90 phút 3 kỹ năng nghe, đọc, viết): chọn một trong các ngoại ngữ sau: Anh văn hoặc Trung văn. Đề thi ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Miễn thi ngoại ngữ đối với thí sinh có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

- Môn cơ sở ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Lý luận cơ bản Y học cổ truyền.

- Môn chuyên ngành (Thời gian thi từ 120 đến 180 phút do Hội đồng tuyển sinh SDH HVYDCTVN năm 2026 quyết định): Bệnh học Y học cổ truyền.

3.4. Hồ sơ đăng ký dự thi gồm

1. Phiếu đăng ký dự thi (theo mẫu có trong hồ sơ dự thi).
2. Sơ yếu lý lịch.
3. Bản sao giấy khai sinh.
4. Giấy chứng nhận sức khỏe.
5. 04 ảnh 3x4 (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh mặt sau ảnh, ảnh để trong phong bì).
6. Giấy xác nhận thâm niên công tác (nếu có).
7. Bằng tốt nghiệp và Bảng điểm đại học (bản sao công chứng hợp lệ).
8. Đối với ứng viên tốt nghiệp đại học nước ngoài:
 - Bằng tốt nghiệp, Bảng điểm đại học và Bằng học vị (nếu có) (bản sao công chứng hợp lệ).
 - Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (bản sao công chứng hợp lệ).

9. Bằng tốt nghiệp khác, Bảng điểm (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

10. Chứng chỉ định hướng Y học cổ truyền hoặc có Chứng chỉ học bổ sung kiến thức chuyên ngành Y học cổ truyền (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

11. Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có, bản sao công chứng hợp lệ).

12. Văn bằng hoặc Chứng chỉ ngoại ngữ (bản sao công chứng hợp lệ).

3.5. Điều kiện trúng tuyển

Chỉ tiêu chương trình thạc sĩ định hướng ứng dụng nếu xét trúng tuyển chưa hết chỉ tiêu sẽ được chuyển sang chương trình thạc sĩ định hướng nghiên cứu hoặc ngược lại.

- Căn cứ kết quả thi xếp thứ tự (đã cộng điểm ưu tiên) và điểm trúng tuyển đến hết chỉ tiêu với điều kiện điểm đạt các môn thi từ 5.0 trở lên và đạt điều kiện trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu.

- Trường hợp ứng viên có điểm bằng nhau cùng đợt xét tuyển, xác định người trúng tuyển theo thứ tự: 1. Điểm tổng kết trung bình toàn khóa trong chương trình đào tạo Đại học cao hơn; 2. nữ.

3.6. Hình thức đào tạo: tập trung 02 năm

III. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

Áp dụng đối với thí sinh dự thi Thạc sĩ.

1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác hai năm liên tục trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

b) Thương binh, người có Giấy chứng nhận được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này.

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

2. Mức ưu tiên:

Đối với tuyển sinh Thạc sĩ: Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng mười điểm (10 điểm) vào kết quả thi cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện miễn thi môn ngoại ngữ theo quy định và cộng một điểm (1 điểm) vào tổng điểm các môn thi (thang điểm 10) (không cộng điểm môn thi ngoại ngữ).

Ghi chú:

- Các thí sinh thuộc diện ưu tiên đề nghị nộp giấy xác nhận ưu tiên của cơ quan có thẩm quyền khi nộp hồ sơ (không giải quyết trường hợp bỏ sung giấy ưu tiên sau khi đã nộp hồ sơ).

- Mỗi thí sinh chỉ được hưởng một diện ưu tiên, thí sinh không đăng ký ưu tiên khi nộp hồ sơ dự thi sẽ không được Hội đồng thi xét duyệt ưu tiên.

- Khu vực ưu tiên căn cứ theo khu vực tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2025 đối với đợt 1 và năm 2026 đối với các đợt thi sau đợt 1.

VI. THỜI GIAN – ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Đợt I năm 2026 (dự kiến)

1.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến tháng 3/2026.

1.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00 ngày 18/ 3/ 2026 đến 16h30 ngày 22/ 05/ 2026.

1.3. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <https://saudaihoc.vuttm.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-sau-dai-hoc.html>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (theo hướng dẫn đính kèm).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo Sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

1.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ. Đối với dự tuyển nghiên cứu sinh: 200.000đ/hồ sơ

- Đối với thạc sĩ định hướng nghiên cứu: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Đối với nghiên cứu sinh: 3.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.
- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).
- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

3.5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 01/ 6/2026.

3.6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

1.4. Ôn thi

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 25/05/2026 đến 19/06/2026

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

1.5. Thời gian - địa điểm thi, xét tuyển

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 26 - 27/ 6/ 2026.
- Ngày xét tuyển dự kiến: dự kiến từ ngày 07/ 7 đến ngày 10/ 7/ 2026
- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.
- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>.

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

2. Đợt II năm 2026 (dự kiến - nếu còn chỉ tiêu tuyển sinh)

2.1. Thời gian phát hành hồ sơ: dự kiến từ ngày 20/ 07/2026.

2.2. Thời gian nhận hồ sơ: dự kiến từ 8h00' ngày 28/ 07/ 2026 đến 16h30' ngày 22/ 9/ 2026.

2.3.. Hình thức nhận hồ sơ:

- Bước 1:

Đăng ký trực tuyến theo đường link: <https://saudaihoc.vutm.edu.vn/dang-ky-xet-tuyen-sau-dai-hoc.html>

Hướng dẫn đăng ký trực tuyến (*theo hướng dẫn đính kèm*).

- Bước 2:

+ Nộp trực tiếp Hồ sơ dự thi tuyển tại Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam;

+ Hoặc Gửi bưu điện đến địa chỉ Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y – Dược học cổ truyền Việt Nam - Số 2 - Trần Phú, Phường Đại Mỗ, Hà Nội.

2.4. Kinh phí tuyển sinh và đào tạo

- Phí đăng ký dự tuyển: 60.000đ/hồ sơ.

- Đối với thạc sĩ định hướng nghiên cứu: 2.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Đối với nghiên cứu sinh: 3.000.000 đồng/đề cương nghiên cứu.

- Mức học phí, mức thu dịch vụ tuyển sinh và khoản thu dịch vụ khác cho lộ trình từng năm học, cả khóa học theo quy định Ban hành mức thu học phí của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Ghi chú:

- Phí đăng ký dự thi, phí dự thi nộp tại Phòng Tài chính Kế toán theo quy định của Nhà nước và Học viện (các khoản này nộp 01 lần cùng với hồ sơ đăng ký thi tuyển).

- Thí sinh không đủ tiêu chuẩn dự tuyển không được hoàn trả hồ sơ và lệ phí tuyển sinh.

5. Nhận giấy báo thi: Dự kiến ngày 09/10/2026

6. Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ: Phòng Đào tạo sau đại học - Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam - Phòng 212 - Tầng 2 nhà 11 tầng.

2.4. Ôn thi

- Ôn thi: Tổ chức ôn thi các môn cơ sở, chuyên ngành và ngoại ngữ cho các đối tượng dự thi.

- Thời gian bắt đầu ôn thi: Dự kiến từ ngày 14/09/2026

(Kế hoạch ôn thi cụ thể nhận tại Phòng Đào tạo sau đại học hoặc xem trên website của Học viện).

2.5. Thời gian - địa điểm thi

- Ngày thi dự kiến: dự kiến ngày 28,29/10/2026.

- Thí sinh xem giờ thi và phòng thi cụ thể tại Phòng Đào tạo sau đại học.

- Địa điểm thi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DD: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vuttm.edu.vn>

Thí sinh tự túc ăn ở trong thời gian ôn thi và thi tại Học viện

VII. CÔNG BỐ KẾT QUẢ THI VÀ DỰ KIẾN NHẬP HỌC

1. Công bố kết quả thi

- Công bố kết quả thi: dự kiến đợt 1 trước 15/7/2025; Đợt 2 trước 30/11/2025

2. Dự kiến nhập học:

- Nhập học dự kiến đợt 1: 8/2026; Đợt 2: 11/2026.

Thông tin chi tiết tuyển sinh Sau đại học năm 2026 xin liên hệ với Phòng Đào tạo sau đại học. ĐT: 0433 540 277 hoặc DĐ: 0969530077 hoặc xem trên website: <http://www.vutn.edu.vn>.

Nhận được thông báo này, trân trọng đề nghị Quý cơ quan thông báo nội dung tuyển sinh Sau đại học năm 2026 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam cho các đơn vị trực thuộc để cán bộ có đủ điều kiện và nguyện vọng thi tuyển làm các thủ tục cần thiết dự thi theo đúng kế hoạch./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục KHCN&ĐT Bộ Y tế (để b/c);
- Vụ GDĐH Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Các Phòng ban (để phối hợp th/h);
- Website Học viện;
- Lưu: VT, SDH.



Phụ lục 4 (a)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN
TRÌNH ĐỘ: NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
3. Quê quán :
4. Địa chỉ thường trú:
5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức
6. Đối tượng dự thi : Biên chế: ☐ Hợp đồng : ☐ Thí sinh tự do: ☐
Đối tượng khác (Ghi cụ thể):
7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: ☐ Con liệt sĩ : ☐ Anh hùng LLVT : ☐
Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: ☐ Con nạn nhân chất độc da cam: ☐
Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn: ☐
8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
9. Cơ quan công tác hiện nay:
10. Địa chỉ cơ quan:
- 11a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học
- b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT.
- c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học.
- d. Thời gian công tác liên tục trong chuyên ngành dự tuyển:
12. Văn bằng:
Tốt nghiệp đại học năm: Chuyên ngành:
Nơi tốt nghiệp:.....
Hệ đào tạo: Chính quy ☐ Tại chức ☐ Chuyên tu ☐ Mở rộng ☐ Khác ☐
Xếp loại: Trung bình ☐ Trung bình khá ☐ Khá ☐ Giỏi ☐ Xuất sắc ☐
Tốt nghiệp Sau đại học: Cao học ☐ BS nội trú ☐ Chuyên khoa I ☐ Chuyên khoa II ☐
Ngày tốt nghiệp: Chuyên ngành:.....
Nơi tốt nghiệp: Điểm bảo vệ luận văn
Xếp loại: Trung bình ☐ Trung bình khá ☐ Khá ☐ Giỏi ☐ Xuất sắc ☐

13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
- a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
- b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)

16. Công trình nghiên cứu, bài báo khoa học (ghi số lượng đề tài tham gia đã nghiệm thu có minh chứng kèm theo và / hoặc số bài báo khoa học đã đăng)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Thành tích nghiên cứu khoa học (Bằng lao động sáng tạo, Giấy khen, Giải thưởng về khoa học công nghệ cấp trường trở lên):

.....

.....

.....

17. Đăng ký dự tuyển NCS chuyên ngành (ghi rõ như trong thông báo tuyển sinh):

18. Địa chỉ liên hệ.

Số điện thoại của thí sinh:Email:

Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học

Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật,, tự nguyện đăng ký dự tuyển nghiên cứu sinh năm 202...., nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN
(Đối với người dự tuyển thuộc diện cơ quan cử đi)

.....ngày.....tháng.....năm 202...
NGƯỜI DỰ TUYỂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

ngành:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Chuyên ngành:

Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:

ước vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

QUA TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

[illegible]

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:.....Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /
Nơi học (trường, thành phố):
Chuyên ngành:

Tên luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận án, luận văn:

Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ*: 1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC
(Dùng cho người dự tuyển Nghiên cứu sinh)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....
Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....
Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....
Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:
.....
Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /
Nơi học (trường, thành phố):
Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /
Nơi học (trường, thành phố):
Chuyên ngành:
Tên luận án, luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:
.....
Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ: 1. Mức độ sử dụng:
2. Mức độ sử dụng:

8. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

.....
.....
.....

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dùng cho người hướng dẫn Nghiên cứu sinh *)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên:Giới tính:

Ngày, tháng, năm sinh: Nơi sinh:

Chức vụ, đơn vị công tác trước khi đi học tập, nghiên cứu:

.....
Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

.....
Điện thoại cơ quan/ Nhà riêng/ Di động:

Email:Fax:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Ngành học:

Tên khóa luận hoặc môn thi tốt nghiệp:

.....
Ngày và nơi bảo vệ khóa luận hoặc thi tốt nghiệp:

.....
Người hướng dẫn:

2. Thạc sĩ:

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

3. Bác sĩ nội trú:

Hệ đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

4. Chuyên khoa I

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

6. Chuyên khoa II

Hình thức đào tạo: Thời gian đào tạo từ: / đến /

Nơi học (trường, thành phố):

Chuyên ngành:

Tên luận án, luận văn:

.....
Ngày và nơi bảo vệ luận văn:

.....
Người hướng dẫn:

7. Trình độ ngoại ngữ*: 1. Mức độ sử dụng:

2. Mức độ sử dụng:

3. Học vị, học hàm, chức vụ kỹ thuật được chính thức cấp (Số bằng, ngày và nơi cấp):

.....

.....

.....

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC KỂ TỪ KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm

IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia

TT	Tên đề tài nghiên cứu/ Lĩnh vực ứng dụng	Năm hoàn thành	Đề tài cấp (Nhà nước, Bộ, Ngành, Trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài

2. Các công trình khoa học (bài báo khoa học, báo cáo hội nghị khoa học, sách chuyên khảo...) đã công bố: (tên công trình, năm công bố, nơi công bố, chỉ số trích dẫn, thuộc tạp chí ISI, SCOPUS*):

- 2.1.....
.....
.....
.....
- 2.2.....
.....
.....
.....
- 2.3.....
.....
.....
.....
- 2.4.....
.....
.....
.....

Ngày..... tháng năm 202

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÂN SỰ

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202

GIẤY CHẤP THUẬN HƯỚNG DẪN KHOA HỌC
CHO NGHIÊN CỨU SINH NĂM 202...
HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Kính gửi: Ban giám đốc Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam

Tên tôi là:
Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:
Chuyên ngành:
Chức vụ:
Đơn vị công tác:
Điện thoại: Di động: Nhà riêng: Cơ quan:
Email:
Số tài khoản: Tại ngân hàng:
Mã số thuế cá nhân:
Số Nghiên cứu sinh (chưa bảo vệ cấp trường) hiện đang hướng dẫn:
.....
Tôi đồng ý nhận hướng dẫn khoa học với tư cách là người hướng dẫn (thứ nhất/ hai):
.....
cho Anh/ Chị: đã đăng ký dự tuyển
đào tạo trình độ Tiến sĩ chuyên ngành: nếu
được công nhận là Nghiên cứu sinh năm 202 của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt
Nam.
Đề tài nghiên cứu dự kiến hoặc hướng nghiên cứu:
.....
.....

Tôi cam kết thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ của người hướng dẫn Nghiên cứu sinh và Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ của Bộ Giáo Dục & Đào tạo, các Quy định của Học viện.

Ý KIẾN CỦA VIỆN/KHOA/BỘ MÔN ĐÀO TẠO
NCS

NGƯỜI DỰ KIẾN HƯỚNG DẪN
(Ký và ghi rõ họ tên)

(Các Viện/Khoa/Bộ môn cần rà soát lại tiêu chuẩn của người hướng dẫn trước khi ký đồng ý)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 202...

THƯ GIỚI THIỆU THÍ SINH DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tên tôi là:

Học hàm: Năm phong: Học vị: Năm bảo vệ:

Chuyên ngành:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại: - Cơ quan: Fax: Di động:

- Nhà riêng:

- Email:

Tôi đã có thời gian trên 06 tháng công tác, hoạt động chuyên môn với ông/ bà:

..... là thí sinh dự tuyển nghiên cứu sinh khóa

..... năm 202.. của; thuộc chuyên ngành:

Tôi có những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của người dự tuyển như sau:

1. Phẩm chất đạo đức, đặc biệt là đạo đức nghề nghiệp:

2. Năng lực hoạt động chuyên môn:

3. Phương pháp làm việc:

4. Khả năng nghiên cứu:

5. Khả năng làm việc theo nhóm:

6. Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển:

7. Triển vọng phát triển về chuyên môn:

8. Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh:

Tôi xin cam đoan những nhận xét và đánh giá về năng lực, phẩm chất của thí sinh dự tuyển Nghiên cứu sinh là hoàn toàn trung thực và khách quan. Xin trân trọng giới thiệu thí sinh: với nhà trường để đăng kí dự xét tuyển Nghiên cứu sinh khóa năm 202.. của Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIỚI THIỆU

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục 4g

KẾ HOẠCH HỌC TẬP, NGHIÊN CỨU TOÀN KHÓA CỦA NGHIÊN CỨU SINH

Cơ sở đào tạo:

Họ và tên nghiên cứu sinh:

Tên đề tài:

Ngành đào tạo:

Mã ngành đào tạo:

Năm học	Nội dung học tập, nghiên cứu	Khối lượng học tập, nghiên cứu đăng ký	Kết quả dự kiến
Năm thứ 1	Các học phần về chuyên môn bổ sung (nếu có)	10 - 12 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
	Các học phần về phương pháp nghiên cứu	04 - 06 tín chỉ	Chứng nhận kết thúc học phần
Năm thứ 2	Thực hiện phần 1 của Luận án	đến 24 tín chỉ	Chương Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu,...
Năm thứ 3	Thực hiện phần 2 của Luận án	đến 30 tín chỉ	Luận án và các bài công bố, ...
Năm thứ 4	Thực hiện phần 3 của Luận án	Số tín chỉ còn lại của chương trình 04 năm	Luận án và các bài công bố, ...

Lưu ý: phần in nghiêng là ví dụ về các nội dung trong kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa. Kế hoạch cụ thể của nghiên cứu sinh được xây dựng căn cứ vào quy định của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo tiến sĩ đã công bố.

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y HỌC

(Dành cho ứng viên nghiên cứu sinh đào tạo trình độ tiến sĩ)

1. Bố cục đề cương nghiên cứu khoa học y học

- Trang bìa chính (phụ lục 1)
- Trang phụ bìa (phụ lục 2)
- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)
- Mục lục
- Danh mục các bảng
- Danh mục biểu
- Đặt vấn đề
- Mục tiêu nghiên cứu
- Chương 1: Tổng quan tài liệu (không đánh chữ số La Mã)
 - 1.1. ...
 - 1.2.
- Chương 2: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu
 - 2.1. Đối tượng nghiên cứu
 - 2.1.1. *Đối tượng nghiên cứu :*
 - 2.1.2. *Tiêu chuẩn lựa chọn:*
 - 2.1.3. *Tiêu chuẩn không lựa chọn*
 - 2.2. Địa điểm nghiên cứu
 - 2.3. Thời gian nghiên cứu
 - 2.4. Thiết kế nghiên cứu
 - 2.5. Cỡ mẫu
 - 2.6. Phương pháp chọn mẫu
 - 2.7. Các biến số và chỉ số nghiên cứu
 - 2.8. Trình bày phương pháp thu thập số liệu/ phương tiện nghiên cứu
 - 2.9. Các loại sai số và biện pháp khắc phục sai số
 - 2.10. Phương pháp phân tích số liệu
 - 2.11. Hạn chế của nghiên cứu
 - 2.12. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu
- Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu

3.1. ...

3.2. ...

- Chương 4: Dự kiến bàn luận
- Dự kiến kết luận
- Dự kiến khuyến nghị
- Kế hoạch thực hiện nghiên cứu
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục: ít nhất phải có Bộ công cụ nghiên cứu

2. Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương luận án dự tuyển

2.1. Soạn thảo văn bản

- Giấy trắng, khổ giấy A4(21 × 29,7 cm), in trên một mặt của tờ giấy
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, hệ soạn thảo WINWORD, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 Lines.
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số Ả Rập 1, 2, 3).
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn
- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không tẩy xóa, không có lỗi chính tả...

2.2. Đánh số thứ tự bảng, biểu, hình, công thức

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng/biểu/hình/công thức trong chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)
- Sau số bảng là tên của bảng/biểu/hình/công thức (VD: Bảng 2.3: Phân loại mức độ đau)
- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)
- Nếu các bảng/biểu/hình/công thức trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang

- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng/biểu/hình/công thức. Cách ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới bảng/biểu/hình/công thức.

2.3. Đánh số các chương, mục và tiểu mục

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã
- Không nên chia tiểu mục quá 4 chữ số
- Cần có tiêu đề cho các chương, mục và tiểu mục
- Tên chương, mục và tiểu mục cần được viết thống nhất cho mỗi loại về kiểu chữ, khổ chữ và độ đậm nhạt... trong suốt đề cương luận án
- Tên chương được viết trên đầu trang mới, dưới tên chương nên để trống 2 dòng.
- Không để tên mục, tiểu mục ở cuối chân trang

2.4. Viết tắt

- Không lạm dụng việc viết tắt trong đề cương luận án dự tuyển. Chỉ viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, thuật ngữ không dài quá và được sử dụng nhiều lần trong đề cương luận án.
- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề cương luận án.
- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.
- Chữ cần viết tắt khi xuất hiện lần đầu trong đề cương luận án được viết đầy đủ và liền đó đặt ký hiệu viết tắt của chữ đó trong ngoặc đơn. Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn đề cương luận án. Không nên viết tắt trong phần tên đề tài, mục lục, đặt vấn đề và kết luận.
- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận án, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt
- Các ký hiệu viết tắt được viết ở phía trái, các chữ đầy đủ tương ứng viết ngang hàng phía phải của trang giấy. Trình bày xong ký hiệu này mới chuyển sang ký hiệu khác, trên những dòng tách biệt. Thứ tự trình bày ký hiệu viết tắt được xếp theo thứ tự ABC.

Mẫu bìa của đề cương nghiên cứu

1.1. Trang bìa chính: có đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

1.2. Trang bìa phụ: không đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN ỨNG VIÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

Chuyên ngành :

Mã số :

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU DỰ TUYỂN TIẾN SĨ ...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

Người hướng dẫn khoa học: ...

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

HÀ NỘI, NĂM 20...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Phụ lục 1

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ NGÀNH Y HỌC CỔ TRUYỀN

Năm: 2026

Ngành: Y học cổ truyền

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
I. HỒ SƠ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH				
1	Đơn xin xét tuyển	Đúng mẫu		
2	Lý lịch khoa học	Đúng mẫu quy định và có xác nhận của đơn vị		
3	Bằng tốt nghiệp đại học ngành Y học cổ truyền loại giỏi trở lên và bảng điểm.	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp Đại học công chứng		
	Hoặc bằng Thạc sĩ ngành YHCT và bảng điểm.	Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học và thạc sĩ công chứng		
		Bảng điểm công chứng tốt nghiệp Thạc sĩ (nếu có)		
	Tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe. (CKII ; BSNT)	Bản sao văn bằng công chứng		
		Bảng điểm tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam khối ngành sức khỏe công chứng		
4	Mình chứng kinh nghiệm nghiên cứu khoa học	Là tác giả ít nhất 01 bài báo hoặc báo cáo khoa học liên quan đến lĩnh vực dự định nghiên cứu đã công bố trên tạp chí khoa học hoặc kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ngành có phản biện hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
		công nghệ tính đến ngày đăng ký dự tuyển.		
		Thư giới thiệu nghiên cứu sinh: Đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh Giáo sư, Phó giáo sư hoặc có học vị Tiến sĩ khoa học, Tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu.		
5	Đề cương nghiên cứu	Dự thảo đề cương nghiên cứu		
		Kế hoạch Nghiên cứu toàn khóa		
6	Kế hoạch học tập	Dự kiến kế hoạch học tập		
7	Năng lực ngoại ngữ	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;		
	Hoặc	Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;		
	Hoặc	Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục II của Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông tư số 18/2021/TT-BGD&ĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố.		

STT	NỘI DUNG	YÊU CẦU	ĐẠT	KHÔNG ĐẠT
	Hoặc	Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai là tiếng Anh hoặc tiếng Trung, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.		
8	Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức).	Đúng quy định		
9	Giấy xác nhận thời gian công tác 02 năm công tác đối với người dự tuyển là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ	Đúng quy định		
	Hoặc Quyết định hoặc hợp đồng lao động dài hạn có công chứng;	Đúng quy định		
10	Bản sao giấy khai sinh;	Đúng quy định		
11	Giấy chứng nhận sức khỏe;	Đúng quy định		
12	Công nhận văn bằng của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng công chứng (nếu có);	Đúng quy định		

II. CHẤM ĐỀ CƯƠNG NCKH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Phần 1	Nội dung khoa học:		ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM CHẤM
	- Bài luận định hướng nghiên cứu		0,5 điểm	
	- Tên đề tài, mục tiêu	Tên đề tài rõ ràng, mục tiêu khả thi, đo lường được, phù hợp với chuyên ngành	1 điểm	
	- Tổng quan tài liệu	Tổng quan tài liệu cập nhật, phù hợp với mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học	Đối tượng và phương pháp nghiên cứu khoa học, phù hợp	1 điểm	
	- Dự kiến kết quả nghiên cứu	Dự kiến kết quả phù hợp mục tiêu nghiên cứu	0,5 điểm	
	- Kế hoạch nghiên cứu	Kế hoạch nghiên cứu phù hợp và khả thi	0,5 điểm	
	- Bộ công cụ nghiên cứu	Bộ công cụ nghiên cứu phù hợp mục tiêu và nội dung nghiên cứu	0,5 điểm	
	- nội dung hoặc giải quyết vấn đề nghiên cứu	Có tính sáng tạo hoặc tính mới về nội dung; giải quyết vấn đề có ý nghĩa thực tiễn; tính khả thi, không trùng lặp.	2 điểm	
Phần 2	Trả lời các câu hỏi của học viên (ít nhất 02 câu):	- Trả lời đúng: tối đa 1,5 điểm/1 câu hỏi - Không trả lời/sai: 0 điểm	3 điểm	
Phần 4	Hình thức đề cương luận án và slide báo cáo	Bố cục hợp lý, bài trình bày đẹp, tác phong trình bày tốt	0,5 điểm	
	Tổng điểm đề cương		10	
Phần 4	Dự kiến thầy hướng dẫn nghiên cứu sinh (tiêu chuẩn thầy hướng dẫn)			
	- Là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc			

	có bằng tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp đề tài nghiên cứu.	
	Hoặc là công dân Việt Nam hoặc công dân nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Giáo dục đại học (được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và những quy định pháp luật khác có liên quan; Người chưa có chức danh giáo sư, phó giáo sư phải đáp ứng thêm những yêu cầu sau: Có thời gian giảng dạy ở trình độ đại học hoặc thạc sĩ từ 01 năm (12 tháng) trở lên kể từ khi có bằng tiến sĩ; Trong thời gian 05 năm (60 tháng) tính đến thời điểm được phân công giảng dạy có công bố liên quan đến chuyên môn với vai trò là tác giả đứng tên đầu hoặc tác giả liên hệ của 02 bài báo, báo cáo khoa học trong các ấn phẩm do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định; hoặc là tác giả hoặc đồng tác giả của 01 sách chuyên khảo do các nhà xuất bản trong nước và quốc tế phát hành hoặc của 01 chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế phát hành (sau đây gọi chung là tác giả chính).	
	Có năng lực ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu và triển khai những hoạt động trao đổi, hợp tác quốc tế về lĩnh vực chuyên môn	
	Là tác giả chính của báo cáo hội nghị khoa học, bài báo khoa học được công bố trong các ấn phẩm thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus).	Cần đảm bảo tiêu chuẩn của người hướng dẫn theo đúng quy định tính đến thời điểm có quyết định công nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh
	Hoặc chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành	
	Hoặc bài báo đăng trên các tạp chí khoa học trong nước được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định	
	Số lượng NCS đang hướng dẫn: - Người hướng dẫn chính - Hoặc người hướng dẫn độc lập - Hoặc người hướng dẫn phụ Số lượng Học viên sau đại học đang hướng dẫn: - Thạc sĩ - Chuyên khoa II - Bác sĩ nội trú	

III. Hướng dẫn đánh giá và xét tuyển

Mỗi thí sinh dự tuyển được chấm điểm xét tuyển theo thang điểm trên:

- Điểm hồ sơ dự tuyển do Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá.
- Điểm bài luận/đề cương dự kiến NC của thí sinh do Hội đồng chấm đề cương đánh giá
- Kết quả xét tuyển mỗi thí sinh là gồm kết quả đánh giá hồ sơ “đạt” các tiêu chí đánh giá và điểm chấm đề cương của Hội đồng .

Ghi chú:

- Điểm đánh giá bài luận và đề cương của thí sinh là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên Hội đồng chấm đề cương có mặt và lấy đến một chữ số thập phân. (Riêng phần: Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu phải đạt $\geq 50\%$ tổng số điểm của phần đó)

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ Y TẾ

HỌC VIỆN Y - DƯỢC HỌC
CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

Stt	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКН-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ VĂN BẰNG HOẶC CHỨNG CHỈ
NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 3 VÀ BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC
NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN
SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga			

Số: 58 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 124/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ);

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Xét đề nghị của Tập đoàn Giáo dục Pearson về việc công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Versant English Placement Test (VEPT) tương đương với các bậc 1, 2, 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, mức độ đạt 3/6 bậc, cụ thể như sau:

Khung thang điểm VEPT	KNLNNVN
10 - 29	Bậc 1
30 - 42	Bậc 2
43 - 66	Bậc 3

Đối với chứng chỉ tiếng Anh VEPT đạt từ 67 điểm trở lên được dùng thay cho chứng chỉ tương đương với Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam để sử dụng trong tuyển sinh, đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

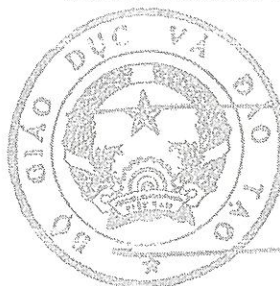
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các cơ sở GDĐH, viện khoa học được phép đào tạo trình độ tiến sĩ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG THƯỜNG TRỰC



Phạm Ngọc Thương

Phạm Ngọc Thương

Số: 925 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Xét đề nghị của Công ty TNHH British Council (Việt Nam) tại Hồ sơ đề nghị công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng đánh giá chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL họp ngày 24 tháng 3 năm 2023;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận các cấp độ của chứng chỉ tiếng Anh Aptis ESOL International Certificate (Aptis ESOL) tương đương với các bậc của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

Điều 2. Mức độ tương đương cụ thể như sau:

KNLNNVN		Aptis ESOL
Sơ cấp	Bậc 1	A1
	Bậc 2	A2
Trung cấp	Bậc 3	B1
	Bậc 4	B2
Cao cấp	Bậc 5	C1
	Bậc 6	C2

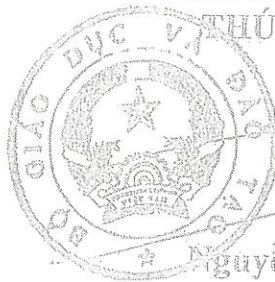
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng, thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Hữu Độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỐI TƯỢNG ƯU TIÊN

Kính gửi:

Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học – Học viện Y - Dược học cổ truyền Việt Nam

Tôi tên là:

Ngày sinh:

Quê quán:

Địa chỉ thường trú:

Dân tộc:

Cơ quan công tác hiện nay:

Địa chỉ cơ quan:

Nay tôi làm đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xác nhận tôi thuộc diện đối tượng ưu tiên theo quy định (thí sinh đánh dấu vào ô tương ứng):

1. ☐ Có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên tại Khu vực 1 (KV1).
2. ☐ Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
3. ☐ Con liệt sĩ.
4. ☐ Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động.
5. ☐ Dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên tại KV1.
6. ☐ Con đẻ của người nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng học tập, sinh hoạt.

Tôi làm đơn này để hoàn thiện hồ sơ dự thi tuyển sinh sau đại học tại Học viện Y dược học cổ truyền Việt Nam năm 2025.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm 20.....

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Ưu tiên mục 1: Xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự
- Ưu tiên mục 2, 3, 4, 6: Xác nhận của phòng Lao động và thương binh xã hội cấp Huyện trở lên
- Ưu tiên mục 5: Xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp Xã trở lên
- Thí sinh khi nộp giấy xác nhận đối tượng xét ưu tiên phải kèm theo bản sao các minh chứng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN

TRÌNH ĐỘ:

Kính gửi: Hội đồng tuyển sinh Sau đại học Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

1. Họ và tên (chữ in hoa): Nam ☐ Nữ ☐
2. Ngày sinh: Nơi sinh: Dân tộc:
3. Quê quán :
4. Địa chỉ thường trú:
5. Ngày vào Đảng CSVN: Ngày chính thức
6. Đối tượng dự thi : Biên chế: ☐ Hợp đồng : ☐ Thí sinh tự do: ☐
Đối tượng khác (Ghi cụ thể):
7. Đối tượng ưu tiên (nếu có): Thương binh: ☐ Con liệt sĩ : ☐ Anh hùng LLVT : ☐
Người dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn: ☐ Con nạn nhân chất độc da cam: ☐
Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên ở các xã thuộc vùng khó khăn: ☐
8. Nghề nghiệp chức vụ (ghi rõ chức vụ):
9. Cơ quan công tác hiện nay:
10. Địa chỉ cơ quan:
- 11 a. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp đại học
- b. Thâm niên công tác chuyên môn YHCT.
- c. Thâm niên công tác từ khi tốt nghiệp Sau đại học.
12. Văn bằng đại học: Trường tốt nghiệp (TN)
- Hệ đào tạo: Ngành đào tạo
- Năm TN: Loại TN.
13. Văn bằng đại học khác (nếu có)
14. Chứng chỉ định hướng chuyên khoa (nếu có)
15. Ngoại ngữ đăng ký dự tuyển:
- a. Diện thi ngoại ngữ (ghi rõ ngoại ngữ dự tuyển)
- b. Diện miễn ngoại ngữ (ghi rõ loại văn bằng ngoại ngữ)
16. Địa chỉ liên hệ.
- Số điện thoại của thí sinh: Email:
- Tôi xin cam thực hiện đầy đủ quy chế tuyển sinh, quy chế đào tạo hiện hành, quy định của Học viện và cơ quan cử đi học

Những điều ghi trong đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN

.....ngày.....tháng.....năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THÂM NIÊN CÔNG TÁC

Kính gửi: HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

Căn cứ thông báo tuyển sinh Sau đại học năm của Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

Đơn vị:

Xác nhận Ông/Bà:

Sinh ngày:

Công tác tại:

Đã có thâm niên công tác trong chuyên ngành Y học cổ truyền từ ngày.....đến ngày.....

Kính đề nghị Học viện tạo điều kiện để Ông/Bà.....được dự thi

Khóa.....năm.....

Xin trân trọng cảm ơn!

Hà nội, ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan

(Ký đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ẢNH

4x6

(đóng dấu giáp lai
của nơi xác nhận
hồ sơ)

SƠ YẾU LÝ LỊCH

TỰ THUẬT

Họ và tên:.....Nam, nữ:.....

Sinh năm:.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:.....

.....

.....

Chứng minh thư nhân dân số:.....cấp tại.....

Ngày.....tháng.....năm

Khi cần báo tin cho ai, ở đâu?

.....

.....

.....

Số.....

Ký hiệu.....

HOÀN CẢNH GIA ĐÌNH

Họ và tên bố:..... Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Họ và tên mẹ Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Noi ở:

Họ và tên chồng (vợ) Sinh năm.....

Nghề nghiệp..... Nơi làm việc.....

Họ và tên các con

Tuổi

Nghề nghiệp

HỌ VÀ TÊN ANH CHỊ EM RUỘT

(Ghi rõ tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp và trình độ chính trị của từng người)

Họ và tên khai sinh : Nam, nữ:.....

Tên thường gọi.....

Sinh ngày.....thángnăm tại:.....

Nguyên quán:.....

Nơi đăng ký thường trú hiện nay:.....

.....

Dân tộc:.....Tôn giáo.....

Thành phần bản thân hiện nay:.....

Trình độ văn hóa (THPT, THBT, TCCN).....

Nơi cấp bằngKí ngàytháng.....năm.....

Trình độ ngoại ngữ:.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp đại học.....Ngành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Đã tốt nghiệp sau đại học.....Ngành.....

Nơi cấpKí ngàytháng.....năm.....

Kết nạp Đảng Cộng sản Việt Nam ngày.....tháng.....năm.....

Nơi kết nạp:.....

Tình trạng sức khỏe hiện nay:.....

Nghề nghiệp hoặc trình độ chuyên môn.....

Cấp bậc:.....Hệ số lương chính hiện nay:.....

Ngày nhập ngũ QĐNDVN(TNXP).....ngày xuất ngũ.....

Lý do:.....

QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BẢN THÂN

(Ghi từ khi tốt nghiệp THPT, THBT..., Cao đẳng, Đại học ..., Công tác)

Từ tháng năm đến tháng năm	Học, làm gì?	Ở đâu?	Kết quả, chức vụ

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

a, Khen thưởng:.....

b, Kỷ luật:.....

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật, nếu có điều gì khai sai trái, tôi chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN,
CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG**

Ngày.....tháng.....năm 20..

Người khai ký, ghi rõ họ tên

Tôi là

Chức vụ.....

Xác nhận hồ sơ

.....

Ngày.....tháng.....năm 20..

Kí tên và đóng dấu

Phụ lục 3:

TIÊU CHÍ XÉT TUYỂN THẠC SĨ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU NĂM 2026

Xét tuyển: Gồm 2 phần

Phần 1: Đánh giá hồ sơ dự tuyển như sau

TT	Nội dung xét					Hồ sơ hiện có (đánh dấu ô thích hợp)	Đánh giá đạt
1	Kết quả học tập	Đại học	Trung bình học tập chung	Ngành đúng	Xuất sắc		
					Giỏi		
					Khá		
					TB/TBK		
2	Năng lực ngoại ngữ	Có năng lực ngoại ngữ Bậc 6/6 trở lên theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 5/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 4/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
		Có năng lực ngoại ngữ Bậc 3/6 theo KNLNN 6 bậc dùng cho VN hoặc tương đương					
3	Kinh nghiệm công tác chuyên môn	Từ 24 tháng trở lên công tác trong ngành/chuyên ngành hoặc đang học một chương trình BSNT của Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam					
		Từ 12 đến dưới 24 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành					
		Từ 6 đến dưới 12 tháng công tác trong ngành/chuyên ngành					
		Mới tốt nghiệp đại học và công tác ít hơn 6 tháng					
4	Người dự kiến hướng dẫn Độc lập/Chính/Đồng hướng dẫn	Trong 60 tháng, là tác giả của bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus					
		Trong 60 tháng, không có công bố bài báo thuộc danh mục Web of Science/Scopus nhưng đủ tiêu chuẩn hướng dẫn chính/độc lập/đồng hướng dẫn					

5	Kinh nghiệm và thành tích Nghiên cứu khoa học trong vòng 36 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ	Các bài báo đã công bố	Trên tạp chí thuộc danh mục Web of Science/Scopus/ISI	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí chuyên ngành trong nước được HĐCDGSNN tính điểm	Tác giả chính (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
			Trên tạp chí khoa học khác	Tác giả đầu tiên/tác giả liên hệ (Số bài báo x thang điểm)	
				Tác giả khác (Số bài báo x thang điểm)	
		Tham gia công trình nghiên cứu (Đã nghiệm thu)	Đề tài cấp Nhà nước/Bộ/Thành phố (Số đề tài x Thang điểm)	Tham gia	
			Đề tài cấp cơ sở (Số đề tài x thang điểm)	Chủ nhiệm đề tài	
				Thư ký đề tài	
				Tham gia	
		Thành tích Nghiên cứu khoa học	Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Bộ/Thành phố		
			Giấy khen về thành tích nghiên cứu khoa học cấp Trường/Bệnh viện		
		Đánh giá phần 1			

Phần 2. Đánh giá đề cương nghiên cứu và năng lực của ứng viên: Tổng điểm tối thiểu $\geq 5,0$

2.1. Đánh giá nội dung đề cương nghiên cứu: Tối đa 3 điểm, chấm điểm lẻ đến 0,1

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Ý nghĩa khoa học và thực tiễn: Tính mới trong vấn đề nghiên cứu, hoặc giải quyết một vấn đề tồn tại cụ thể của thực tế ngành/chuyên ngành một cách khoa học và hợp lý	0,1	
2	Đặt vấn đề, câu hỏi và mục tiêu nghiên cứu rõ ràng, khả thi	1,0	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học chặt chẽ	1,0	
4	Tính khả thi của đề tài (nguồn kinh phí hỗ trợ, cơ sở triển khai nghiên cứu, người hướng dẫn khoa học vv...)	0,5	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		3,0	

**2.2. Đánh giá năng lực của ứng viên (Thông qua trình bày đề cương và trả lời câu hỏi):
Tối đa 7 điểm, chấm lẻ đến 0,1**

TT	Nội dung chấm	Thang điểm tối đa	Điểm đạt
1	Năng lực của thí sinh: Nắm vững vấn đề trình bày, sự tự tin	1,0	
2	Slide báo cáo đúng quy định, trình bày lưu loát, thời gian trình bày không quá 10 phút (mỗi phút quá giờ trừ 0,1 điểm)	1,0	
3	Trả lời tốt câu hỏi của các thành viên trong hội đồng (05 câu hỏi và mỗi câu trả lời được tính tối đa 1,0 điểm)	5,0	
Tổng điểm tối đa phần 2.1		7,0	

**Lưu ý: - Người dự kiến hướng dẫn nếu tham gia Hội đồng xét tuyển không đặt câu hỏi và chấm điểm.*

- Điểm mỗi mục 2.1 và 2.2 của phần 2 phải đạt $\geq 50\%$ số điểm tối đa.

HƯỚNG DẪN

TRÌNH BÀY ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC Y HỌC

1. Bố cục đề cương nghiên cứu khoa học y học

Trang bìa chính (phụ lục 1)

- Trang phụ bìa (phụ lục 2)
- Mục lục
- Danh mục các chữ viết tắt (phụ lục 3)
- Danh mục các bảng
- Danh mục biểu
- Đặt vấn đề
- Mục tiêu nghiên cứu
- Chương 1: Tổng quan tài liệu (không đánh chữ số La Mã)
 - 1.1. ...
 - 1.2. ...
- Chương 2: Đối tượng và Phương pháp nghiên cứu
 - 2.1. ...
 - 2.2. ...
- Chương 3: Dự kiến kết quả nghiên cứu
 - 3.1. ...
 - 3.2. ...
- Chương 4: Dự kiến bàn luận
- Dự kiến kết luận
- Dự kiến khuyến nghị
- Kế hoạch thực hiện
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo
- Phụ lục: ít nhất phải có Bộ công cụ nghiên cứu

2. Hướng dẫn về hình thức trình bày đề cương

2.1. Soạn thảo văn bản

- Giấy trắng , khổ giấy A4(21 × 29,7 cm), in trên một mặt của tờ giấy
- Font chữ Unicode (Time New Roman), cỡ chữ 13, hệ soạn thảo WINWORD, dẫn dòng đặt ở chế độ 1,5 Lines.
- Lề trái cách 3,5 cm, lề phải 2 cm, lề trên 3cm, lề dưới 3cm. Số trang được đánh ở giữa phía trên đầu mỗi trang giấy, đánh số từ phần đặt vấn đề (theo chữ số A rập 1, 2, 3).
- Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.
- Phải đóng thành quyển có bìa như hướng dẫn
- Đề cương phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không tẩy xóa, không có lỗi chính tả...

2.2. Đánh số thứ tự bảng, biểu, hình, công thức

- Đánh theo số chương và thứ tự của bảng/biểu/hình/công thức trong chương (VD: Bảng 2.3 là bảng thứ ba trong chương 2)
- Sau số bảng là tên của bảng/biểu/hình/công thức (VD: Bảng 2.3: Kim ngạch xuất nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc)
- Chú ý ghi đầy đủ đơn vị tính (nếu có)
- Nếu các bảng/biểu/hình/công thức trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang
- Phải ghi nguồn của thông tin trong bảng/biểu/hình/công thức. Cách ghi giống như trích dẫn tài liệu tham khảo và ghi ở bên dưới bảng/biểu/hình/công thức.

2.3. Đánh số các chương, mục và tiểu mục

- Sử dụng số A rập, không dùng chữ số La Mã
- Không nên chia tiểu mục quá 4 chữ số
- Cần có tiêu đề cho các chương, mục và tiểu mục

- Tên chương, mục và tiểu mục cần được viết thống nhất cho mỗi loại về kiểu chữ, khổ chữ và độ đậm nhạt... trong suốt đề cương luận văn.
- Tên chương được viết trên đầu trang mới, dưới tên chương nên để trống 2 dòng.
- Không để tên mục, tiểu mục ở cuối chân trang

2.4. Viết tắt

- Không lạm dụng việc viết tắt trong luận văn. Chỉ viết tắt những từ hoặc cụm từ là danh từ, thuật ngữ không dài quá và được sử dụng nhiều lần trong đề cương luận văn.
- Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong đề cương luận văn.
- Viết tắt các từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.
- Chữ cần viết tắt khi xuất hiện lần đầu trong đề cương luận văn được viết đầy đủ và liền đó đặt ký hiệu viết tắt của chữ đó trong ngoặc đơn. Ký hiệu viết tắt phải được dùng thống nhất trong toàn đề cương luận văn. Không nên viết tắt trong phần tên đề tài, mục lục, đặt vấn đề và kết luận.
- Nếu ít từ viết tắt, có thể viết toàn bộ cụm từ lần đầu với chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu nhiều từ viết tắt, lập bảng các chữ viết tắt ở đầu luận văn, xếp theo thứ tự ABC của chữ viết tắt
- Các ký hiệu viết tắt được viết ở phía trái, các chữ đầy đủ tương ứng viết ngang hàng phía phải của trang giấy. Trình bày xong ký hiệu này mới chuyển sang ký hiệu khác, trên những dòng tách biệt. Thứ tự trình bày ký hiệu viết tắt được xếp theo thứ tự ABC.

2.5. Bố cục về các phần của báo cáo đề cương nghiên cứu

- Đặt vấn đề, mục tiêu nghiên cứu: khoảng 02 trang
- Tổng quan tài liệu: 10-15 tổng số trang
- Phương pháp nghiên cứu: 10-15 trang

- Dự kiến kết quả nghiên cứu: 10-15 trang
- Dự kiến bàn luận: 02-03 trang
- Dự kiến kết luận: 1-2 trang
- Dự kiến khuyến nghị: 1-2 trang
- Kế hoạch hoạt động
- Dự toán kinh phí
- Tài liệu tham khảo (từ mục này đánh số trang riêng, không tính trong tổng số trang của đề cương nghiên cứu)
- Phụ lục

3. Hướng dẫn chi tiết cho từng phần

TÊN ĐỀ TÀI

- Triển khai nghiên cứu này để làm gì?
- Đúng giúp những hiểu biết mới cho nhốn loại.
- Nghiên cứu, ứng dụng, chuẩn hoả những kỹ thuật, cụng nghệ mới để chuyển giao hoặc đề nghị cỏ nhõn, đơn vị khỏc ứng dụng.
- Nghiên cứu, ứng dụng, chuẩn hoả những kỹ thuật, cụng nghệ mới vào cụng việc hàng ngày của người nghiên cứu.
- Nghiên cứu để tăng số lượng và chất lượng dịch vụ.
- Nghiên cứu cung cấp bằng chứng cho việc điều hành, quản lý đơn vị, ra cỏ quyết định mới.
- Nghiên cứu này cú nhất thiết phải iảm khụng?
 - Liệu đó cú NC nào tương tự để ta cú thể ỏp dụng mà khụng cần phải làm nghiên cứu mới?
 - Nghiên cứu này cú cần phải ưu tiên triển khai gấp hay khụng?
- Nghiên cứu này dễ triển khai khụng? (5M)

- Số lượng và năng lực đội ngũ cán bộ tham gia NC
- Phương tiện, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu
- Kinh phí và thời gian dành cho NC
- Phương pháp triển khai cú mới và khả thi khụng?

Yêu cầu tên đề tài

- Ngắn gọn, không quá dài, không quá ngắn (KHÔNG QUÁ 30 TỪ)
- Bao phủ nội dung, phù hợp mục tiêu nghiên cứu
- Ngữ pháp chặt chẽ
- Thích hợp với loại thiết kế nghiên cứu
- Dễ hiểu với cả độc giả

MỤC LỤC

Mục lục phản ánh khái quát nội dung của đề cương luận văn. Trong phần mục lục cần ghi rõ tên chương, tên mục và tiêu mục của chương có trong đề cương luận văn. Các tên này phải đúng như vốn có trong đề cương luận văn. Thứ tự của chúng là thứ tự xuất hiện trong đề cương luận văn.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Nêu lý do vì sao tiến hành nghiên cứu, có thể bao gồm các thông tin:

- Giới thiệu chung về vấn đề nghiên cứu
- Thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề, ...
- Nghiên cứu này nhằm giải quyết vấn đề gì? Lý do lựa chọn đề tài? Câu hỏi nghiên cứu cần trả lời?

Lưu ý: viết ngắn gọn, tối đa là 2 trang

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU: (gồm mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể không nhất thiết phải có mục tiêu chung, nhưng bắt buộc phải có mục tiêu cụ thể, viết gọn trong 1 trang riêng)

- Mục tiêu của đề tài nghiên cứu: Thường từ 2 đến 3 mục tiêu.
- Mục tiêu phải đánh theo số thứ tự, không gạch đầu dòng; không viết tắt

- Mục tiêu cụ thể phải thể hiện cái gì sẽ được nghiên cứu, nghiên cứu ở đâu, vào thời gian nào...
- Mục tiêu nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu có phù hợp với tên đề tài nghiên cứu không?
- Mục tiêu của nghiên cứu/giả thuyết nghiên cứu có được trình bày rõ ràng và phù hợp không? (sử dụng các động từ hành động dùng cho mục tiêu nghiên cứu có phù hợp không?)

Yêu cầu viết mục tiêu phải đảm bảo: đặc thù, đo lường được. Mục tiêu dùng động từ hành động; mục tiêu nghiên cứu tốt phải đạt được 5 tiêu chuẩn “SMART”

1. S – Specific: Cụ thể, mục tiêu phải rõ ràng.
2. M – Measureable: Đo lường được, các kết quả nghiên cứu của mục tiêu phải đo được, đếm được...
3. A – Achievable: Có thể đạt được, mục tiêu đề ra phải có khả năng đạt được (tính khả thi)
4. R – Reasonable: Hợp lý, mục tiêu phải hợp lý, chấp nhận được
5. T – Time: Thời gian, mục tiêu phải có phạm vi thời gian.

Chương 1

TỔNG QUAN TÀI LIỆU

1.1. Tổng quan về vấn đề nghiên cứu

1.1.1. Tổng quan có nêu các nội dung khái niệm liên quan đến nghiên cứu?

1.1.2. Tổng quan tài liệu có nêu được những kiến thức cập nhật về chủ đề nghiên cứu và khoảng trống hiện tại về kiến thức, thực hành, hay chương trình y tế mà cần phải có nghiên cứu?

Tổng quan có được trình bày một cách hệ thống theo trình tự logic giúp làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu? Có nội dung nào không cần thiết?

...

1.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề trên thế giới và Việt Nam

1.2.1. Tình hình nghiên cứu vấn đề trên thế giới

1.2.2. Tình hình nghiên cứu vấn đề ở Việt Nam

1.3. Sơ đồ cây vấn đề hoặc khung lý thuyết

Cây vấn đề phải phản ánh việc phân tích vấn đề nghiên cứu thực tế tại địa phương chứ không phải là cây vấn đề lý thuyết chung chung. Lưu ý: trong trường hợp đề tài không bao phủ hết các nội dung chủ đề trong cây vấn đề mà chỉ dự định khu trú vào một/một số phần thì đề cương cần nêu rõ điều đó. Khung lý thuyết có ý nghĩa quan trọng trong thiết kế nghiên cứu. Lựa chọn khung lý thuyết phù hợp có ý nghĩa trong định hướng thiết kế nghiên cứu cũng như xây dựng công cụ nghiên cứu.

1.4. Giới thiệu tóm tắt về địa bàn nghiên cứu

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần tổng quan:

- + Tổng quan về bệnh....theo Y học hiện đại: Định nghĩa, nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng, chẩn đoán xác định/ chẩn đoán phân biệt, điều trị, phòng bệnh

- + Tổng quan về bệnh.... theo Y học cổ truyền: khái niệm, nguyên nhân, biến chứng luận trị, thể lâm sàng và điều trị cụ thể.

- + Luận giải lý do chọn bài thuốc nghiên cứu: nguồn gốc, thành phần, phân tích bài thuốc.

- + Luận giải việc đặt ra mục tiêu và các nội dung cần nghiên cứu của đề tài

- Yêu cầu tổng quan tài liệu đảm bảo

- + Trình bày một cách hệ thống theo trình tự logic giúp làm sáng tỏ nội dung nghiên cứu?

+ Nêu được những kiến thức cập nhật về chủ đề nghiên cứu và khoảng trống hiện tại về kiến thức, thực hành, hay chương trình y tế mà cần phải có nghiên cứu?

+ Trích dẫn tài liệu có đúng nội dung, đúng chỗ cần trích dẫn trong đoạn văn, và phù hợp.

+ Sử dụng tài liệu tham khảo phong phú (ví dụ bao gồm tài liệu trong nước và ngoài nước)

+ Sử dụng tài liệu tham khảo cập nhật (có nhiều tài liệu mới trong vòng 5 năm trở lại)

+ Lựa chọn tài liệu tham khảo có tính chọn lọc (chủ yếu sử dụng các tài liệu là sản phẩm của nghiên cứu như bài báo, luận án, luận văn, báo cáo hội nghị khoa học)

Chương 2

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

2.1.1. Đối tượng nghiên cứu : được định nghĩa rõ ràng và phù hợp

2.1.2. Tiêu chuẩn lựa chọn: tùy thuộc mục tiêu nghiên cứu của đề tài, tùy thuộc giai đoạn thử nghiệm lâm sàng và bệnh điều trị mà có tiêu chuẩn phù hợp.

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần đối tượng nghiên cứu:

Tiêu chuẩn theo Y học hiện đại: cần được chẩn đoán xác định bằng Y học hiện đại (lâm sàng, cận lâm sàng)

Tiêu chuẩn theo Y học cổ truyền: Từ những bệnh nhân được chẩn đoán bằng Y học hiện đại, chọn thể lâm sàng phù hợp với lý luận của bài thuốc hoặc tác dụng

của vị thuốc nghiên cứu (cần có tiêu chí chính để chọn thể lâm sàng theo Y học cổ truyền)

2.1.3. Tiêu chuẩn không lựa chọn

2.2. Địa điểm nghiên cứu

Trình bày rõ ràng phù hợp, địa điểm bao gồm tên đơn vị, xã/phường, quận/huyện tỉnh, thành phố.

2.3. Thời gian nghiên cứu

Trình bày rõ ràng phù hợp. Nêu cụ thể thời gian từ tháng năm bắt đầu đến tháng năm kết thúc.

2.4. Thiết kế nghiên cứu

Nêu rõ thiết kế nghiên cứu sử dụng (cắt ngang mô tả, phân tích,...) Nếu có thể, ghi rõ sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, định tính, hay cả hai, hay sử dụng số liệu thứ cấp, mô tả hay phân tích, đánh giá, ... *Thiết kế nghiên cứu lựa chọn có phù hợp mục tiêu, câu hỏi, giả thuyết nghiên cứu?*

Chú ý: Những đề cương nghiên cứu khoa học có liên quan đến nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đối với thuốc Y học cổ truyền, phải có những nội dung sau trình bày trong phần thiết kế nghiên cứu:

Tùy theo bệnh và dạng thuốc nghiên cứu có thể chọn phương pháp:

- + Nghiên cứu can thiệp so sánh kết quả sau điều trị so với trước điều trị
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng, mù đơn
- + Nghiên cứu can thiệp, thử nghiệm lâm sàng mở, ngẫu nhiên, có đối chứng, mù kép.

2.5. Cỡ mẫu

Với nghiên cứu định lượng: Trình bày công thức tính cỡ mẫu phù hợp với thiết kế nghiên cứu (cỡ mẫu cho nghiên cứu mô tả, hoặc nghiên cứu can thiệp,...). Phương pháp tính toán cỡ mẫu có được trình bày rõ ràng và phù hợp.

Công thức tính cỡ mẫu, số lượng mẫu.

Nghiên cứu định tính: Ước tính cỡ mẫu cần thiết và tối ưu phù hợp với mục tiêu của đề tài.

2.6. Trình bày phương pháp chọn mẫu

Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn, hay mẫu ngẫu nhiên hệ thống, mẫu cụm, mẫu phân tầng, chọn mẫu một giai đoạn hay nhiều giai đoạn hay chủ đích v.v. Mô tả chi tiết cách thức chọn mẫu cho cả phần nghiên cứu định lượng và định tính.

- Trình bày cách chia nhóm nghiên cứu (nếu có)

2.7. Các biến số nghiên cứu

Trình bày phân biến số nghiên cứu thành bảng theo mục tiêu nghiên cứu, gồm: tên biến số, định nghĩa biến, phân loại, phương pháp thu thập. Đối chiếu, bám sát với mục tiêu để đảm bảo đủ các biến số đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu. Các biến số sẽ là căn cứ để phát triển các công cụ thu thập thông tin trong nghiên cứu và các bảng trống trong kế hoạch phân tích số liệu.

Các khái niệm, thước đo, tiêu chuẩn đánh giá (nếu có)

2.8. Trình bày phương pháp thu thập số liệu/ phương tiện nghiên cứu

Phỏng vấn hay tự điền, quan sát, thảo luận nhóm, phỏng vấn sâu, sử dụng hồ sơ/báo cáo/tài liệu có sẵn (lập bảng sẵn để điền số liệu tổng hợp vào), v.v.

- Cách sử dụng bộ công cụ thu thập số liệu

- Quy trình nghiên cứu

2.9. Cốc loại sai số và biện pháp khắc phục sai số

Nhờ rừ biện pháp khống chế sai số

2.10. Phương pháp phân tích số liệu

Nêu phương pháp làm sạch số liệu, phần mềm nhập liệu và phân tích số liệu.

2.11. Hạn chế của nghiên cứu

2.12. Vấn đề đạo đức của nghiên cứu

Phương pháp nào sử dụng để đảm bảo sự tự nguyện của đối tượng tham gia nghiên cứu? Có phân tích nguy cơ và lợi ích mà nghiên cứu đem lại cho đối tượng? Có trình bày phương pháp bảo mật thông tin đối tượng tham gia nghiên cứu?

- Yêu cầu của phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Các nội dung trình bày trong phần đối tượng và phương pháp nghiên cứu phải có tính khả thi với một đề cương

Chương 3

DỰ KIẾN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Có thông tin chung về đối tượng nghiên cứu?

Các bảng trống có đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu, chỉ số và biến số nghiên cứu?

Lựa chọn và cách viết bảng, biểu phù hợp?

Chương 4

DỰ KIẾN BÀN LUẬN

Có bao gồm các giải thích về kết quả nghiên cứu theo mục tiêu?

Có bao gồm các so sánh với các nghiên cứu khác?

Có đề cập đến các hạn chế của nghiên cứu không(giá trị, tin cậy, hạn chế...)?

Trình bày dự kiến bàn luận với mục tiêu như thế nào? Đưa các giải thuyết hay chứng minh được giả thuyết.

DỰ KIẾN KẾT LUẬN

Trình bày dự kiến kết luận theo mục tiêu đã đề ra

DỰ KIẾN KHUYẾN NGHỊ

Trình bày dự kiến theo kết quả và kết luận

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Trình bày biểu đồ kế hoạch thực hiện nghiên cứu và dự toán kinh phí

Kế hoạch nghiên cứu cần phù hợp với đối tượng và phương pháp đề xuất

Kế hoạch nghiên cứu có tính khả thi

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo : Có được trình bày đúng quy định (hướng dẫn chi tiết dưới đây)

Cập nhật đầy đủ: phải đảm bảo ít nhất 50% tài liệu trong 10 năm gần nhất

PHỤ LỤC

Phụ lục có :

Có công cụ thu thập thông tin?

Có thông tin về quy trình xét nghiệm?

Có thông tin về quy trình hoặc thuốc điều trị?

Có thông tin về bản thỏa thuận tham gia nghiên cứu?

Có đầy đủ các nội dung phụ lục đề cập đến trong phần đề cương chính?

Hướng dẫn viết Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận văn, luận án, khóa luận, bài báo....
 - Trích dẫn tham khảo có ý nghĩa quan trọng đối với báo cáo nghiên cứu khoa học (làm tăng giá trị đề tài nghiên cứu nhờ có đối chiếu, tham khảo, so sánh,... với các nguồn tài liệu từ bên ngoài, thể hiện rõ nguồn gốc các thông tin thu thập được) và với người viết báo cáo (phát triển năng lực nghiên cứu: nhờ quá trình tìm kiếm và chọn lọc những thông tin có chất lượng, giúp làm tăng khả năng tự học, tự tìm kiếm thông tin và khai thác thông tin; bồi dưỡng ý thức đạo đức nghề nghiệp, tránh hành động đạo văn...). Trích dẫn theo chữ số (hệ thống Vancouver) là cách hiện đang được Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam lựa chọn.
 - Nguồn trích dẫn phải được ghi nhận ngay khi thông tin được sử dụng. Nguồn trích dẫn có thể được đặt ở đầu, giữa hoặc cuối một câu, cuối một đoạn văn hay cuối một trích dẫn trực tiếp (ví dụ hình vẽ, sơ đồ, công thức, một đoạn nguyên văn).
- + Các hình thức và nguyên tắc trích dẫn tài liệu tham khảo:
- Hình thức trích dẫn
 - Trích dẫn trực tiếp là trích dẫn nguyên văn một phần câu, một câu, một đoạn văn, hình ảnh, sơ đồ, quy trình,... của bản gốc vào bài viết. Trích dẫn nguyên văn phải bảo đảm đúng chính xác từng câu, từng chữ, từng dấu câu được sử dụng trong bản gốc được trích dẫn. “Phần trích dẫn được đặt trong ngoặc kép”, [số TLTK] đặt trong ngoặc vuông. Không nên dùng quá nhiều cách trích dẫn này vì bài viết sẽ nặng nề và đơn điệu.
 - Trích dẫn gián tiếp là sử dụng ý tưởng, kết quả, hoặc ý của một vấn đề để diễn tả lại theo cách viết của mình nhưng phải đảm bảo đúng nội dung của bản gốc. Đây là cách trích dẫn được khuyến khích sử dụng trong nghiên cứu khoa học. Khi

trích dẫn theo cách này cần cẩn trọng và chính xác để tránh diễn dịch sai, đảm bảo trung thành với nội dung của bài gốc.

- Trích dẫn thứ cấp là khi người viết muốn trích dẫn một thông tin qua trích dẫn trong một tài liệu của tác giả khác. Ví dụ khi người viết muốn trích dẫn một thông tin có nguồn gốc từ tác giả A, nhưng không tìm được trực tiếp bản gốc tác giả A mà thông qua một tài liệu của tác giả B. Khi trích dẫn theo cách này không liệt kê tài liệu trích dẫn của tác giả A trong danh mục tài liệu tham khảo. Một tài liệu có yêu cầu khoa học càng cao thì càng hạn chế trích dẫn thứ cấp mà phải tiếp cận càng nhiều tài liệu gốc càng tốt.

◦ Một số nguyên tắc về trích dẫn tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo có thể được trích dẫn và sử dụng trong các phần đặt vấn đề, tổng quan, phương pháp nghiên cứu, bàn luận. Phần giả thiết nghiên cứu, kết quả nghiên cứu, kết luận, kiến nghị không sử dụng tài liệu tham khảo.

- Cách ghi trích dẫn phải thống nhất trong toàn bộ bài viết và phù hợp với cách trình bày trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Việc trích dẫn là theo thứ tự của tài liệu tham khảo ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [15, 314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông và theo thứ tự tăng dần, cách nhau bằng dấu phẩy và không có khoảng trắng, ví dụ [19],[25],[41].

- Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận văn không được duyệt để bảo vệ.

- Không ghi học hàm, học vị, địa vị xã hội của tác giả vào thông tin trích dẫn.

- Tài liệu được trích dẫn trong bài viết phải có trong danh mục tài liệu tham khảo.

- Tài liệu được liệt kê trong danh mục tham khảo phải có trích dẫn trong bài viết.

- Không trích dẫn tài liệu mà người viết chưa đọc. Chỉ trích dẫn khi người viết phải có tài liệu đó trong tay và đã đọc tài liệu đó. Không nên trích dẫn những chi tiết nhỏ, ý kiến cá nhân, kinh nghiệm chủ quan, những kiến thức đã trở nên phổ thông.
- Khi một thông tin có nhiều người nói đến thì nên trích dẫn những nghiên cứu/ bài báo/ tác giả có tiếng trong chuyên ngành.
 - Xây dựng và cách trình bày danh mục tài liệu tham khảo:
- Tài liệu tham khảo gồm: sách, các ấn phẩm, tạp chí, hoặc trang Web đã đọc và được trích dẫn hoặc được sử dụng để hình thành ý tưởng nghiên cứu. Lưu ý: Học viên chỉ trích dẫn trực tiếp, không trích lại từ nguồn khác. Ít nhất phải có 50% tài liệu tham khảo được xuất bản trong 10 năm gần đây.
- Trình tự sắp xếp (theo qui định Bộ Giáo dục): Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt Anh, Pháp, Đức Nga, Trung, Nhật...) Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật...(Đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm mỗi tài liệu). Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự A B C Họ tên tác giả của tài liệu tham khảo theo qui định sau:
 - Tác giả là người nước ngoài xếp thứ tự A B C theo họ.
 - Tác giả là người Việt Nam xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên trước họ.
 - Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục & Đào tạo xếp vào vần B...
- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì có thể ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Không nên dùng luận văn, luận án, Website và hạn chế dùng sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

1. Trần Thừa (1999). *Kinh tế học vĩ mô*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
2. Phạm Thắng và Đoàn Quốc Hưng (2007). *Bệnh mạch máu ngoại vi*, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002). *Các văn bản pháp luật về đào tạo sau đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
4. Boulding K.E (1995). *Economic Analysis*, Hamish Hamilton, London
5. Grace B. et al (1988). *A history of the world*, NJ: Princeton University Press, Princeton.

- Tài liệu tham khảo là luận án, luận văn, khóa luận ghi như sau:

Tên tác giả, năm bảo vệ (đặt trong ngoặc đơn). *Tên đề tài luận án, luận văn (ghi nghiêng, dấu phẩy cuối tên luận án/luận văn)*, bậc học, tên chính thức của cơ sở đào tạo. Ví dụ:

1. Đoàn Quốc Hưng (2006). *Nghiên cứu lâm sàng, cận lâm sàng và điều trị ngoại khoa bệnh thiếu máu chi dưới mạn tính do vữa xơ động mạch*, Luận án tiến sĩ y học, Trường Đại học Y Hà Nội.
2. Nguyễn Hoàng Thanh (2011). *Nghiên cứu mức sẵn sàng chi trả cho cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường tại huyện Kim Bảng, Hà Nam năm 2010*, Luận văn Thạc sĩ y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội.

- Tài liệu tham khảo là bài báo đăng trong các kỷ yếu của hội nghị, hội thảo, diễn đàn... ghi như sau:

Tên tác giả (năm). Tên bài báo. *Tên kỷ yếu/tên hội nghị/diễn đàn (ghi nghiêng)*, Địa điểm, thời gian tổ chức, cơ quan tổ chức, số thứ tự trang của bài báo trong kỷ yếu. Ví dụ:

- Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, tập san được trình bày như sau:

Họ và tên tác giả được viết đầy đủ đối với tên người Việt Nam; Họ (viết đầy đủ), tên gọi và tên đệm (viết tắt) đối với tên người nước ngoài. Nếu bài báo có nhiều tác giả, cần ghi tên 3 tác giả đầu và cộng sự (et al-tiếng Anh), năm xuất bản (trong ngoặc đơn). Tên bài báo. *Tên tạp chí, tập san (ghi nghiêng)*, tập (số, không có dấu ngăn cách, đặt trong ngoặc đơn, dấu phẩy sau ngoặc đơn), các số trang (gạch nối giữa hai số, dấu chấm kết thúc). Ví dụ:

1. Nguyễn Kim Sơn, Phạm Hùng Vân, Nguyễn Bảo Sơn và cộng sự (2010). Đột biến gen mã hóa EGFR trong ung thư phổi. *Tạp chí nghiên cứu y học*, 3, 30-37.

2. Amanda B.R, Donna P.A, Robin J.L et al (2008). Total prostate specific antigen stability confirmed after long-term storage of serum at -80C. *J Urol*, 180(2), 534-538.

- Tài liệu tham khảo là một chương (một phần) trong cuốn sách ghi như sau:

Họ và tên tác giả của chương (phần) sách hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). Tên chương (hoặc phần), *Tên sách (ghi nghiêng)*, dấu phẩy cuối tên), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia), tập, trang.. Nếu sách có hai tác giả thì sử dụng chữ và (hoặc chữ and) để nối tên hai tác giả. Nếu sách có 3 tác giả trở lên thì ghi tên tác giả thứ nhất và cụm từ cộng sự (hoặc et al.). Ví dụ:

Kouchoukos N.T (2013). Postoperative care. *Kirklin/Barratt-Boyes Cardiac Surgery*, fourth edition, Elsevier Saunder, Philadenphia, 1, 190-249.

- Tài liệu tham khảo là sách ghi như sau:

Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành; năm xuất bản (đặt trong ngoặc đơn). *Tên sách (ghi nghiêng)*, dấu phẩy cuối), lần xuất bản (chỉ ghi mục này với lần xuất bản thứ hai trở đi), nhà xuất bản (dấu phẩy cuối tên nhà xuất bản); nơi xuất bản (ghi tên thành phố, không phải ghi tên quốc gia, đặt dấu chấm kết thúc). Nếu sách có hai

Nguyễn Đức Chính, Phạm Hải Bằng, Phạm Văn Trung và cs (2013). Nhận xét tình hình bệnh nhân nhiễm HIV/AIDS điều trị tại bệnh viện Việt Đức giai đoạn 2010-2012. *Hội nghị khoa học quốc gia về phòng chống HIV/AIDS lần thứ V*, Trường Đại học Y Hà Nội ngày 2-3/12/2013, Bộ Y tế, 342-346

- Tài liệu tham khảo là các giáo trình, bài giảng hay tài liệu lưu hành nội bộ: Cần cung cấp thông tin cơ bản về tên tác giả, năm xuất bản, tên giáo trình, bài giảng, nhà xuất bản (nếu có), đơn vị chủ quản. Ví dụ:

1. Tạ Thành Văn (2013). *Giáo trình Hóa sinh lâm sàng*. Nhà xuất bản Y học, Trường Đại học Y Hà Nội

2. Hội đồng chức danh Nhà nước (2012). *Văn bản pháp quy và tài liệu hướng dẫn việc xét công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2012*. Hà Nội, tháng 5 năm 2012.

- Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet, báo mạng (hết sức hạn chế loại trích dẫn này), nếu thật cần thiết thì ghi trích dẫn như sau:

Tên tác giả (nếu có), năm (nếu có). Tên tài liệu tham khảo, <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>, thời gian trích dẫn. Ví dụ:

1. Nguyễn Trần Bạt (2009). Cải cách giáo dục Việt Nam,

<http://www.chungta.com/Desktop.aspx/chungtasuyngam/giaoduc/cai_cach_giao_duc_Viet_Nam/>, xem 12/3/2009

2. Anglia Ruskin University. Havard system of Referencing Guide. [online] Available at: <http://libweb.anglia.ac.uk/referencing/havard.htm> [Accessed 12 August 2011]

Chú ý: Số thứ tự được đánh liên tục từ 1 đến hết qua tất cả các ngôn ngữ. Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để phần tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi

Mẫu bìa ngoài của đề cương nghiên cứu: không đóng khung

MẪU ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

1. Trang bìa

1.1. Trang bìa chính

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y ĐƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

HÀ NỘI, NĂM 201...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

1.2. Trang bìa phụ: có đóng khung

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

(chữ in hoa thẳng, không in đậm cỡ 16)

HỌC VIỆN Y DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

Logo Học viện

(cỡ 4,0 cm x 4,0 cm)

HỌ VÀ TÊN

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

TÊN ĐỀ TÀI

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 24)

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16-18)

Chuyên ngành :

Mã số :

Người hướng dẫn khoa học: ...

(chữ thường thẳng, in đậm cỡ 14)

HÀ NỘI, NĂM 201...

(chữ in hoa thẳng, in đậm cỡ 16)

